

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Luật Kinh tế
(Ban hành theo Quyết định số: 916/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25 tháng 05 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Tên ngành đào tạo	: Luật Kinh tế
Mã ngành	: 52380107
Hình thức đào tạo	: Chính qui tập trung
Trình độ đào tạo	: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Trường đại học Lao động - Xã hội đào tạo cử nhân Luật Kinh tế có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, có sức khỏe, có trình độ và năng lực về chuyên môn để thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao.

Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật; kiến thức về pháp luật, thực tiễn pháp lý, đặc biệt là kiến thức pháp lý cho hoạt động kinh doanh ở Việt Nam và nắm được nguyên tắc pháp lý hoạt động kinh doanh quốc tế; có thể sử dụng tương đối thành thạo một ngoại ngữ và tin học trong công việc và trong giao dịch kinh doanh.

Người học được trang bị những kỹ năng cơ bản của nghề luật và trong các lĩnh vực liên quan như: Kỹ năng nghề luật; kỹ năng soạn thảo các loại hợp đồng (Hợp đồng trong kinh doanh, hợp đồng lao động,...); soạn thảo điều lệ công ty, nội quy lao động; kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, lao động; kỹ năng tư vấn pháp luật...

Người học sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn về Luật Kinh tế, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của xã hội trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại; người học có thể làm việc trong các doanh nghiệp; cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế của Trường đại học Lao động - Xã hội hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

Về kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị, luật pháp Việt Nam nói chung và nắm vững kiến thức chuyên môn về pháp luật trong hoạt động kinh doanh trên nền tảng kiến thức về kinh tế học. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế cũng có những hiểu biết nhất định về pháp luật thương mại quốc tế.

Về kỹ năng:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có những kỹ năng:

+ Kỹ năng tư duy pháp lý: Tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết.

+ Kỹ năng nghiệp vụ trong kinh doanh thương mại.

+ Kỹ năng tư vấn pháp lý trong kinh doanh.

+ Kỹ năng tổ chức các công việc hành chính.

+ Kỹ năng tổ chức công việc chuyên môn như: Truy cứu, cập nhật, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...

+ Kỹ năng tổ chức các sinh hoạt khoa học, thuyết trình, giới thiệu, phổ biến văn bản pháp luật mới.

Về thái độ:

+ Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế có ý thức tôn trọng luật pháp, tôn trọng đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp bản sắc dân tộc.

+ Phương pháp làm việc khoa học, cầu tiến, không ngừng học tập nâng cao trình độ; năng động sáng tạo trong giải quyết công việc; hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng trong công việc và cuộc sống.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Luật kinh tế có thể trở thành chuyên viên làm việc tại các cơ quan lập pháp, trong bộ máy quản lý nhà nước; có thể làm tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; có thể trở thành các chuyên gia tư vấn pháp lý, luật sư,... Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy & nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực Luật học tại các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, các Viện nghiên cứu về Luật, Chính sách.

+ Có thể bổ nhiệm vào các chức danh khi đủ các điều kiện như : Trọng tài viên, Thừa phát lại, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Thanh tra viên, Chấp hành viên, Công chứng viên,...

+ Có thể đảm nhận các chức danh khi được cấp chứng chỉ hoặc được bổ nhiệm vào ngạch như: Luật sư, Tư vấn viên, trợ lý pháp luật, Thư ký toà án, cán bộ các cơ quan nội chính, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên,...

Khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp tại các vị trí việc làm cụ thể:

+ Các cơ quan nhà nước: Công an, quân đội, toà án, viện kiểm sát, thanh tra, thi hành án, pháp chế ngành, pháp chế công ty, tổng công ty;

+ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các ban của Quốc hội, Bộ ngành và cơ quan nhà nước khác;

+ Các doanh nghiệp: Công ty, tổng công ty, các loại hình doanh nghiệp khác;

+ Các tổ chức hành nghề Luật: Văn phòng luật sư, công chứng, các hiệp hội nghề nghiệp, dân sự, thừa phát lại, trọng tài thương mại;

+ Các tổ chức chính trị, chính trị xã hội; tổ chức kinh tế; đơn vị sự nghiệp có liên quan đến lĩnh vực Luật.

Trình độ Ngoại ngữ và Tin học

Ngoại ngữ: Sử dụng tương đối thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp và trong công việc (Đối với ngoại ngữ là tiếng Anh đạt chuẩn: 450 điểm TOEIC)

Tin học: Sử dụng thành thạo tin học văn phòng trong phục vụ công việc.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không bao gồm 03 TC Giáo dục thể chất, 08 TC Giáo dục quốc phòng và an ninh

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

5. QUI TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;

- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

6. THANG ĐIỂM

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá
 C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình
 D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu
 + Loại không đạt
 F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

7. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

* Kiến thức giáo dục đại cương:	25 tín chỉ
(không kể GDQP và GDTC)	
+ Kiến thức bắt buộc	: 21 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn	: 04 tín chỉ
* Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	95 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành	: 12 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	10 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	02 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành:	12 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	10 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	02 tín chỉ
Kiến thức ngành:	61 tín chỉ
+ Kiến thức bắt buộc:	49 tín chỉ
+ Kiến thức lựa chọn:	12 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp cuối khóa:	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế:	06 tín chỉ
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 25 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục đại cương	25	
	Các học phần bắt buộc	21	
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
5	Tiếng Anh cơ bản 1	2	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	3	
7	Tin học cơ bản 1	2	
8	Tin học cơ bản 2	2	
9	Soạn thảo văn bản	2	
10	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	
11	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh</i>	8	
	Các học phần tự chọn (chọn 2/4 HP)	4	
12	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	Chọn ½
13	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	HP
14	Logic học	2	Chọn ½
15	Tâm lý học đại cương	2	HP

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 95 tín chỉ

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	
	Kiến thức cơ sở của khối ngành	12	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	10	
16	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	
17	Luật hiến pháp	2	
18	Luật hành chính	3	
19	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	
	<i>Các học phần tự chọn</i>	2	
20	VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	2	Chọn ½
21	Lịch sử văn minh thế giới	2	HP
	Kiến thức cơ sở của ngành	12	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	10	
22	Công pháp quốc tế	2	
23	Tư pháp quốc tế	2	
24	Kinh tế vi mô	3	
25	Kinh tế vĩ mô	3	

	<i>Các học phần tự chọn</i>	2	
26	Quản trị doanh nghiệp	2	Chọn ½ HP
27	Marketing căn bản	2	
	Kiến thức ngành	61	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	49	
28	Luật dân sự 1	3	
29	Luật dân sự 2	3	
30	Luật kinh tế	2	
31	Luật kinh tế nâng cao	3	
32	Luật lao động	2	
33	Luật lao động nâng cao	3	
34	Luật hình sự	3	
35	Luật tố tụng hình sự	3	
36	Luật tố tụng dân sự	3	
37	Luật ngân hàng	2	
38	Luật đất đai	2	
39	Luật môi trường	2	
40	Luật thuế và kế toán	2	
41	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2	
42	Luật thương mại quốc tế	2	
43	Luật sở hữu trí tuệ	2	
44	Pháp luật về bảo hiểm	3	
45	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	2	
46	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	2	
47	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	
	<i>Các học phần tự chọn</i>	12	
48	Tâm lý học lao động	2	Chọn 1/2 học phần
49	Kỹ năng giao tiếp	2	
51	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	
52	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2	
53	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2	
54	Pháp luật về thanh toán quốc tế	2	
55	Luật hôn nhân và gia đình	2	
56	Kỹ năng nghề luật	2	
57	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2	
58	Thực tập cuối khóa	4	

59	Khóa luận tốt nghiệp	6	Chọn 3/8 HP chưa học
60	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
	Xây dựng văn bản pháp luật	2	
	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	2	
	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2	
	Luật Đầu tư	2	
	Luật Cạnh tranh	2	
	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	
	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2	
	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
	Kiến thức giáo dục đại cương									
	<i>Môn học bắt buộc</i>									
1	Giáo dục thể chất	3	1	1	1					
2	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8			8					
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	2	2							
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2	3		3						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
6	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3					
7	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
8	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
9	Tin học cơ bản 1	2	2							
10	Tin học cơ bản 2	2		2						
11	Soạn thảo văn bản	2		2						
	<i>Môn tự chọn (chọn 2/4)</i>	4								
12	Đại cương văn hóa Việt Nam	2								
13	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		2						
14	Logic học	2			2					
15	Tâm lý học đại cương	2								
	Kiến thức cơ sở của khối	12								

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
	ngành									
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	10								
16	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3							
17	Luật hiến pháp	2	2							
18	Luật hành chính	3		3						
19	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2			2					
	<i>Các học phần tự chọn</i>	2								
20	Văn hóa doanh nghiệp	2				2				
21	Lịch sử văn minh thế giới	2								
	Kiến thức cơ sở của ngành	12								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	10								
22	Công pháp quốc tế	2				2				
23	Tư pháp quốc tế	2					2			
24	Kinh tế vi mô	3	3							
25	Kinh tế vĩ mô	3			3					
	<i>Các học phần tự chọn</i>	2								
26	Quản trị doanh nghiệp	2				2				
27	Marketing căn bản	2								
	Kiến thức ngành	61								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	49								
28	Luật dân sự 1	3			3					
29	Luật dân sự 2	3				3				
30	Luật kinh tế	2			2					
31	Luật kinh tế nâng cao	3					3			
32	Luật lao động	2				2				
33	Luật lao động nâng cao	3						3		
34	Luật hình sự	3				3				
35	Luật tố tụng hình sự	3					3			
36	Luật tố tụng dân sự	3					3			
37	Luật ngân hàng	2				2				
38	Luật đất đai	2							2	
39	Luật môi trường	2							2	
40	Luật thuế và kế toán	2					2			
41	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2							2	
42	Luật thương mại quốc tế	2						2		

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
43	Luật sở hữu trí tuệ	2							2	
44	Pháp luật về bảo hiểm	3							3	
45	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	2							2	
46	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	2							2	
47	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3					3			
	Các học phần tự chọn	12								
48	Tâm lý học lao động	2				2				
49	Kỹ năng giao tiếp	2								
50	Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán	2								
51	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2								
52	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2								
53	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2						10		
54	Pháp luật về thanh toán quốc tế	2								
55	Luật hôn nhân và gia đình	2								
56	Kỹ năng nghề luật	2								
57	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	2								
58	Thực tập tốt nghiệp	4								4
59	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
60	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6								6
	Xây dựng văn bản pháp luật	2								
	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	2								
	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	2								2
	Luật Đầu tư	2								2
	Luật Cạnh tranh	2								2
	Pháp luật về chứng khoán và TT chứng khoán	2								
	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2								

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	2								
	Tổng cộng	131	15	18	24	18	16	15	15	10

HỌC KỲ 1

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		14		
1	Giáo dục thể chất (Thể dục - Điền kinh)	TĐK1421T	1		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1	MLN10722H	2		
3	Tiếng Anh cơ bản 1	TAC10622H	2		
4	Tin học cơ bản 1	TCB11222H	2		
5	Lý luận nhà nước và pháp luật	NNPL1023H	3		
6	Luật Hiến pháp	LUHP1022H	2		
7	Kinh tế vi mô	ViMO0523H	3		
II	Các học phần tự chọn		0		
	Tổng số		15		

HỌC KỲ 2

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		16		
1	Giáo dục thể chất		1		Thực hiện theo Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng

2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TTCM0722H	2	MLN10722H	
3	Tin học cơ bản 2	TCB21222H	2		
4	Soạn thảo văn bản	STVB1022H	2		
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2	MLN20723H	3	MLN10722H	
6	Tiếng Anh cơ bản 2	TAC20623H	3	TAC10622H	
7	Luật hành chính	LUHC1023H	3	NNPL1023H	
II	Các học phần tự chọn		2		
8	Đại cương văn hóa Việt Nam	ĐCVH0322L	2		Chọn 1/2 HP
	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NCKH0722L	2		
	Tổng số		18		

HỌC KỲ 3

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		22		
1	Giáo dục thể chất		1		Thực hiện theo Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	ĐLCM0723H	3	MLN20723H TTCM0722H	
3	Kinh tế vĩ mô	ViMO0523H	3		
4	Lịch sử nhà nước và pháp luật	LSNN1022H	2	NNPL1023H	
5	Luật Dân sự 1	LDS11023H	3	NNPL1023H	
6	Luật Kinh tế	LKTE1022H	2		
7	Giáo dục quốc phòng - an ninh	LOGI0722L	8		
II	Các học phần tự chọn		2		

8	Logic học	LOGI0722L	2	MLN10722H	Chọn 1/2 HP
	Tâm lý học đại cương	TLĐC0322L	2		
Tổng số			24		

HỌC KỲ 4

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		12		
1	Luật dân sự 2	LDS21023H	3	LDS11023H	
2	Công pháp quốc tế	CPQT1022H	2	NNPL1023H	
3	Luật lao động	LLĐO1022H	2		
4	Luật ngân hàng	LUNH1022H	2	NNPL1023H	
5	Luật hình sự	LUHS1023H	3	NNPL1023H LUHP1022H	
II	Các học phần tự chọn		6		
6	Văn hóa doanh nghiệp	VHDN0522H	2		Chọn 1/2 HP
	Lịch sử văn minh thế giới	LSTG0322L	2		
7	Quản trị doanh nghiệp	QTDN0522H	2		Chọn 1/2 HP
	Marketing căn bản	MARC0522H	2		
8	Tâm lý học lao động	TLLĐ0322H	2		Chọn 1/2 HP
	Kỹ năng giao tiếp	KNGT0322H	2		
Tổng số			18		

HỌC KỲ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		16		
1	Tư pháp quốc tế	TPQT1022H	2	NNPL1023H	
2	Luật tố tụng hình sự	TTHS1023H	3	LUHS1023H	
3	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	ALUA0623H	3	TAC20623H	
4	Luật tố tụng dân sự	TTDS1023H	3	LDS21023H	
5	Luật kinh tế nâng cao	LKT21023H	3	LKTE1022H	
6	Luật thuế và kế toán	LTKT1022H	2		
II	Các học phần tự chọn		0		
Tổng số			16		

HỌC KỲ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ	
I	Các học phần bắt buộc		5			
1	Luật lao động nâng cao	LLĐ21023H	3	LLĐO1022H		
2	Luật thương mại quốc tế	LTMQ1022H	2	NNPL1023H LKT21023H		
II	Các học phần tự chọn		10			
3	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	PLCK1022H	2	LUHC1023H LDS21023H LKT21023H	Chọn 5/8 HP	
4	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	LBĐS1022H	2	LUHP1022H LUHC1023H LDS11023H		
5	Pháp luật về xuất nhập khẩu	LXNK1022H	2	LDS11023H LKTE1022H		
6	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	LNTD1022H	2	LDS21023H		
7	Pháp luật về thanh toán quốc tế	LTTQ1022H	2	LDS11023H LKTE1022H TPQT1022H LTMQ1022H		
8	Luật hôn nhân và gia đình	HNGĐ1022H	2	NNPL1023H		
9	Kỹ năng nghề luật	KNNL1022H	2	TTDS1023H LLĐ21023H LTMQ1022H STVB1022H		
10	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	ĐPHĐ1022H	2	LKT21023H LDS21023H LLĐ21023H		
	Tổng số		15			

HỌC KỲ 7

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		15		
1	Luật đất đai	LUĐĐ1022H	2	NNPL1023H	

2	Luật môi trường	LUMT1022H	2	NNPL1023H	
3	Luật sở hữu trí tuệ	SHTT1022H	2	LDS21023H	
4	Pháp luật về bảo hiểm	PLBH1023H	3	NNPL1023H	
5	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	XLCV1022H	2	LUHC1023H STVB1022H	
6	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	GQTC1022H	2	LDS21023H LKT21023H	
7	Pháp luật về các vấn đề xã hội	PLXH1022H	2		
II	Các học phần tự chọn		0		
	Tổng số		15		

HỌC KỲ 8

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TC	ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
I	Các học phần bắt buộc		4		
1	Thực tập tốt nghiệp	TTCK1024T	4	LKT21023H LDS21023H LLĐ21022H	
II	Các học phần tự chọn		6		
	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	KLLU1026T	6		
	<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>		6		
1	Xây dựng văn bản pháp luật	XDVB1022H	2	STVB1022H LLĐ21022H LTMQ1022H	Chọn 3/8 HP chưa học để thay thế cho khóa luận tốt nghiệp
2	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	TVHD1022H	2	LLĐ21022H	
3	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	LTCD1022H	2	LTKT1022H LTMQ1022H	
4	Luật Đầu tư	LUĐT1022H	2	NNPL1023H	
5	Luật Cạnh tranh	LUCT1022H	2	LKTE1022H	
6	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	PLCK1022H	2	LUHC1023H LDS21023H LKT21023H	
7	Pháp luật về xuất nhập khẩu	LXNK1022H	2	LDS11023H LKTE1022H	
8	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu	LNTD1022H	2	LDS21023H	

	dùng				
	Tổng số		10		

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.5. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.6. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

9.7. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

9.8. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

9.9. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

9.10. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 03

Thực hiện theo Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng

9.11. Giáo dục quốc phòng

Số tín chỉ: 08

Nội dung ban hành tại Thông tư 03/2017/TT/BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

9.12. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

9.13. Phương pháp luận NCKH

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

9.14. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

9.15. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người;

Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

9.16. Lý luận Nhà nước và pháp luật

Số tín chỉ: 03

Học phần gồm 8 chương, tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước, Những vấn đề cơ bản về pháp luật, Ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

9.17. Luật Hiến pháp

Số tín chỉ: 02

Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản: những vấn đề lý luận cơ bản về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp; Chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử; Những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

9.18. Luật Hành chính

Số tín chỉ: 03

Luật hành chính cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

9.19. Lịch sử Nhà nước và pháp luật

Số tín chỉ: 02

Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn khoa học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật qua từng giai đoạn lịch sử của nhân loại. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của nhà nước và pháp luật từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại như: cơ sở hình thành và phát triển của các nhà nước phương Tây và phương Đông, các đặc trưng cơ bản, đặc điểm của từng kiểu nhà nước, quy luật sự phát triển các nhà nước và pháp luật...

9.20. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

9.21. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Lịch sử văn minh thế giới cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập

và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

9.22. Công pháp quốc tế

Số tín chỉ: 02

Công pháp quốc tế (Luật quốc tế) là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lý quốc tế...

9.23. Tư pháp quốc tế

Số tín chỉ: 02

Tư pháp quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của tư pháp quốc tế như xung đột pháp luật; chủ thể tư pháp quốc tế; giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế.

9.24. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý thuyết cung cầu về hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường; Thất bại thị trường và vai trò của Chính phủ.

9.25. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại, cán cân thanh toán, tỷ giá,...

9.26. Quản trị doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức sau: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp; Quản trị sản xuất và công nghệ trong doanh nghiệp; Quản trị tiêu thụ trong doanh nghiệp; Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

9.27. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của

khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

9.28. Luật dân sự 1

Số tín chỉ: 03

Học phần tập trung vào các vấn đề lớn: Khái quát chung Luật dân sự Việt Nam, Quan hệ pháp luật dân sự, Giao dịch dân sự, Đại diện, Thời hạn và thời hiệu, Tài sản và quyền sở hữu, Thừa kế.

9.29. Luật dân sự 2

Số tín chỉ: 03

Học phần tập trung vào các vấn đề lớn sau: Khái quát chung về nghĩa vụ dân sự; Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Hợp đồng dân sự; Nghĩa vụ ngoài hợp đồng; Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

9.30. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

9.31. Luật kinh tế nâng cao

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Pháp luật về mua bán hàng hoá, Những vấn đề chung về cung ứng dịch vụ thương mại, Pháp luật về đại diện cho thương nhân và môi giới thương mại, Pháp luật về uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại, Pháp luật về khuyến mại và quảng cáo thương mại, Pháp luật về dịch vụ logistics, Pháp luật về đấu giá hàng hoá, Pháp luật về đấu thầu hàng hoá, dịch vụ, Pháp luật về một số hoạt động thương mại khác, Chế tài thương mại.

9.32. Luật Lao động

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 10 chương, tập trung vào 4 vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật lao động; Những vấn đề cơ bản về việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thỏa ước lao động tập thể; Những vấn đề cơ bản về tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất, an toàn, vệ sinh lao động; Những vấn đề cơ bản về giải quyết tranh chấp lao động; thanh tra lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

9.33. Luật Lao động nâng cao

Số tín chỉ: 03

Học phần gồm 5 chương, tập trung vào các vấn đề chính sau: Cho thuê lại lao động, Lao động đặc thù, Lao động giúp việc gia đình, Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

9.34. Luật hình sự

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tội phạm, Cấu thành tội phạm, Các giai đoạn thực hiện tội phạm, Đồng phạm, Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, Trách nhiệm hình sự và hình phạt, Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp, Một số tội phạm cụ thể thường gặp.

9.35. Luật tố tụng hình sự

Số tín chỉ: 03

Học phần gồm các nội dung sau: Quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

9.36. Luật tố tụng dân sự

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng Dân sự Việt Nam; Thẩm quyền của toà án nhân dân; Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự; Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu....

9.37. Luật Ngân hàng

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề lý luận về ngân hàng và luật ngân hàng, Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng, Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng, Pháp luật về cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, Pháp luật về dịch vụ thanh toán, Pháp luật về hoạt động ngoại hối

9.38. Luật đất đai

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai; Một số vấn đề lý luận cơ bản của sở hữu toàn dân về đất đai; vấn đề củng cố và hoàn thiện chế độ sở hữu toàn dân về đất đai trong nền kinh tế thị trường; Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chính sách tài chính về đất đai, giá đất và chế độ pháp lý về sử dụng đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; Thanh tra đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.

9.39. Luật môi trường

Số tín chỉ: 02

Nội dung của học phần này được thể hiện và chuyển tải bao gồm những vấn đề mang tính tổng quan về luật môi trường như khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của Luật Môi trường, chính sách môi trường... Những vấn đề liên quan đến pháp luật Việt Nam về môi trường như: Pháp luật về đánh giá hiện trạng và ảnh hưởng môi trường; pháp luật về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; pháp luật về vệ sinh môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên... Những vấn đề liên quan đến luật quốc tế về môi trường.

9.40. Luật Thuế và Kế toán

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 6 chương, tập trung vào 4 nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về pháp luật thuế; Pháp luật về một số nhóm thuế cơ bản; Những vấn đề cơ bản của pháp luật về kế toán; Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế và kế toán.

9.41. Pháp luật về các vấn đề xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật về các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

9.42. Luật thương mại quốc tế

Số tín chỉ: 02

Luật thương mại quốc tế là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể của thương mại quốc tế như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vấn đề bảo vệ môi trường, dịch vụ vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa bằng vận tải đường biển quốc tế, giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế.

9.43. Luật sở hữu trí tuệ

Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức luật sở hữu trí tuệ bao gồm: Quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng mới; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; các công ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam có tham gia.

9.44. Pháp luật về bảo hiểm

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 5 chương, tập trung vào 5 nhóm vấn đề chính sau: Khái quát chung về bảo hiểm và pháp luật về bảo hiểm; Pháp luật về bảo hiểm xã hội; Pháp luật về bảo hiểm y tế; Pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm

9.45. Kỹ năng xử lý công việc hành chính

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề chung về kỹ năng xử lý công việc hành chính, Kỹ năng xử lý một số công việc hành chính thông thường, Kỹ năng giao tiếp trong công việc hành chính.

9.46. Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 5 chương, tập trung vào các vấn đề chính sau: Khái quát về kỹ năng giải quyết tranh chấp trong thương mại, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức thương lượng, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức hoà giải, Kỹ năng giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại, Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án.

9.47. Tiếng Anh chuyên ngành Luật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản trong ngành luật như luật doanh nghiệp, luật lao động, luật bảo trợ xã hội, luật cạnh tranh, luật thương mại...

9.48. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

9.49. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

9.50. Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 4 chương, tập trung vào các vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán, về chào bán chứng khoán, tổ chức thị trường chứng khoán, chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán, về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán

9.51. Pháp luật về kinh doanh bất động sản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quy định của pháp luật

Việt Nam về đối tượng, phạm vi và điều kiện đầu tư, kinh doanh bất động sản; cung cấp các quy định về điều kiện, nội dung, quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong kinh doanh bất động sản; cung cấp các quy định về nội dung và hình thức của những loại hợp đồng kinh doanh bất động sản.

9.52. Pháp luật về xuất nhập khẩu

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái niệm, đối tượng và phạm vi áp dụng pháp luật xuất nhập khẩu; Các hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu; Hệ thống hải quan trên thế giới và Việt Nam; Các loại hợp đồng là phương tiện để thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu, được điều chỉnh chặt chẽ và cụ thể bởi các quy định pháp luật; Hệ thống các loại chứng từ sử dụng trong hoạt động xuất nhập.

9.53. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

9.54. Pháp luật về Thanh toán quốc tế

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 3 nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề, quy định cơ bản về quản lý ngoại hối và tỷ giá hối đoái; Những phương tiện thanh toán quốc tế được sử dụng phổ biến và những quy định trong nước và quốc tế có liên quan; Những phương thức thanh toán quốc tế và quy trình thực hiện theo quy định của pháp luật, tập quán và thông lệ quốc tế.

9.55. Luật hôn nhân và gia đình

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức cần thiết và cơ bản trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình như vấn đề kết hôn, ly hôn, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, kết hôn, ly hôn có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, môn học còn đề cập đến những lĩnh vực cụ thể chi tiết, có ý nghĩa đối với thực tế cuộc sống như: điều kiện để được kết hôn, thế nào là kết hôn trái pháp luật, tài sản của vợ chồng trong và sau hôn nhân, điều kiện được nuôi con nuôi, vấn đề cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn...

9.56. Kỹ năng nghề luật

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề chung về hành nghề tư vấn pháp luật; Kỹ năng tư vấn pháp luật; Kỹ năng tranh tụng

9.57. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng

Số tín chỉ: 02

Đàm phán, soạn thảo hợp đồng là học phần mang tính thực hành. Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng đàm phán và soạn thảo về hợp đồng trong dân sự, hợp đồng trong thương mại và hợp đồng lao động.

9.58. Thực tập tốt nghiệp

Số tín chỉ: 04

Học phần thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc đối với sinh viên. Học phần này giúp cho sinh viên có kiến thức thực tiễn về việc thực hiện các lĩnh vực pháp luật về kinh doanh, lao động, tài chính, đất đai, môi trường... tại đơn vị thực tập cũng như tình hình về đơn vị thực tập như: lịch sử hình thành; chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động; loại hình, bộ máy tổ chức; đội ngũ cán bộ, nhân viên, người lao động.

9.59. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

9.60. Xây dựng văn bản pháp luật

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm 7 chương, tập trung vào 3 nhóm vấn đề chính sau: Những vấn đề cơ bản về văn bản pháp luật; Kỹ thuật xây dựng văn bản; Soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình.

9.61. Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động

Số tín chỉ: 02

Tư vấn hợp đồng trong lao động là học phần mang tính thực hành nghề nghiệp. Học phần này trang bị cho người học các kỹ năng tư vấn về hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng thử việc; hợp đồng lao động; hợp đồng cho thuê lại lao động và hợp đồng; Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

9.62. Pháp luật về tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02

Pháp luật về tài chính doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức pháp luật cơ bản về tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính cũng như các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.

9.63. Luật đầu tư

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm các nội dung chủ yếu sau đây: Những vấn đề chung về luật đầu tư; pháp luật về thủ tục đầu tư; pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt; pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

9.64. Luật Cạnh tranh

Số tín chỉ: 02

Luật Cạnh tranh nghiên cứu 6 nội dung sau: Những vấn đề Lý luận chung về cạnh tranh và pháp Luật Cạnh tranh; Luật Cạnh cơ quan quản lý cạnh tranh và cơ chế quản lý đặc thù; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Pháp luật về hạn chế cạnh tranh; tố tụng trong cạnh tranh; Xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm pháp Luật Cạnh tranh.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Kiến thức giáo dục đại cương : 25 tín chỉ

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Môn học bắt buộc		
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác -Lênin P1	ThS. Đặng Thị Hồng Vi ThS. Vũ Sĩ Đoàn TS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	ThS. Đỗ Thị Ngọc Ánh ThS. Vũ Sĩ Đoàn TS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Đông Thị Hồng TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Vũ Thị Phương Mai ThS. Phạm Khánh Ngọc ThS. Đào Mai Phước ThS. Nguyễn Thị Thu TS. Phạm Thị Thủy ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TS. Vũ Thị Phương Mai TS. Đoàn Thị Thu Hà TS. Nguyễn Thị Giáng Hương TS. Triệu Thị Trinh ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Triết học Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	TS. Phạm Thị Thủy TS. Triệu Thị Trinh TS. Đông Thị Hồng ThS. Đào Mai Phước ThS. Nguyễn Văn Tuấn ThS. Lê Hương Giang ThS. Nguyễn Thị Phúc	Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị Kinh tế chính trị

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Đàm Lan Hương ThS. Phạm Thị Liễu ThS. Lê Thị Thu Thủy ThS. Trịnh Thị Thủy	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Hoàng Thị Hiền ThS. Trần Thị Thu Hằng ThS. Trương Thị Thuý ThS. Nguyễn Thị Lan Anh ThS. Triệu Thị Trang	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
		ThS. Đỗ Diệp Linh ThS. Chử Mai Lan ThS. Trần Thị Thu Hương ThS. Bùi Thị Thu Hà ThS. Đào Thị Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Việt Hoa ThS. Phan Thị Thanh Tâm ThS. Cao Thị Huyền Nga ThS. Cao Sơn Hùng ThS. Lại Minh Thư ThS. Trần Thị Huyền ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền ThS. Nguyễn Thị Hoa ThS. Vũ Thị Kim Anh	Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn Anh Văn
7	Tin học cơ bản 1	ThS. Nguyễn Hữu Bình TS. Nguyễn Thị Sinh Chi ThS. Bùi Thị Hồng Dung ThS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Vũ Thị Tuyết Lan ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Tạ Tường Vi	Xử lý Thông tin Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Kinh tế Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT
8	Tin học cơ bản 2	ThS. Nguyễn Hữu Bình TS. Nguyễn Thị Sinh Chi	Xử lý Thông tin Công nghệ TT

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Bùi Thị Hồng Dung ThS. Nguyễn Thanh Huyền TS. Vũ Thị Tuyết Lan ThS. Ngô Bích Liên ThS. Nguyễn Sao Mai	Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Kinh tế
		ThS. Phạm Hồng Nhung ThS. Nguyễn Nam Thắng ThS. Phạm Minh Tú ThS. Tạ Tường Vi	Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT Công nghệ TT
9	Soạn thảo văn bản	ThS. Lê Xuân Cử ThS. Đỗ Xuân Đán	Hành chính công Thư viện
		TS. Đào Xuân Hội ThS. Vũ Thị Thanh Huyền ThS. Vũ Thị Lan Hương Đinh Thị Hường	Luật Luật Luật Văn học
10	Giáo dục thể chất	ThS. Nguyễn Huy Khôi ThS. Phạm Đức Long CN. Nguyễn Ngọc Liên ThS. Nguyễn Đức Toàn ThS. Lê Thị Thu Hương ThS. Hoàng Thị Hương ThS. Nguyễn T. Ngọc Linh ThS. Nguyễn Thị Hường CN. Vũ Tùng Vân ThS. Lê Thị Chung Hiếu ThS. Bùi Như Ý ThS. Lê Văn Thuận CN. Bùi Doãn Thao	Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao Thẻ dục thể thao
11	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Trung tâm GDQP do Bộ GD &ĐT phân luồng	
	Các học phần tự chọn		
12	Đại cương văn hóa Việt Nam	ThS. Thành Thu Trang ThS. Đỗ Xuân Đán ThS. Đỗ Thị An TS. Nguyễn Thị Hương	Công tác xã hội Thư viện Tâm lý giáo dục Tâm lý học
13	Phương pháp luận NCKH	ThS. Đào Mai Phước TS. Nguyễn T Giáng Hương	Kinh tế chính trị Triết học
		TS. Vũ Thị Phương Mai	Kinh tế chính trị

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Phạm Thị Thủy	Kinh tế chính trị
14	Logic học	ThS. Vũ Sĩ Đoàn	Kinh tế chính trị
		ThS. Nguyễn Thị Thu	Kinh tế chính trị
		ThS. Đặng Thị Hồng Vi	Kinh tế chính trị
15	Tâm lý học đại cương	TS. Tiêu Thị Minh Hương	Tâm lý xã hội
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý xã hội
		ThS. Nguyễn Thị Hiền	Tâm lý xã hội
		ThS. Đỗ Thị An	Tâm lý giáo dục
		TS. Nguyễn Hữu Hùng	Tâm lý
		ThS. Lê Thị Thủy	Công tác xã hội

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 95 tín chỉ

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Kiến thức cơ sở khối ngành		
16	Lý luận NN và pháp luật	TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Trần Thuỳ Linh	Luật
17	Luật Hiến pháp	ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		TS. Lê Ngọc Thanh	Luật
18	Luật Hành chính	TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
19	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
20	Văn hóa doanh nghiệp	ThS. Nguyễn T. Thu Hương	Quản trị KD
		ThS. Phạm Thị Thu Thủy	Quản trị KD
21	Lịch sử văn minh Thế giới	ThS. Nguyễn Thanh Huyền	Công tác xã hội
		ThS. Nguyễn Hồng Linh	Công tác xã hội
		ThS. Chu Thị Huyền Yến	Công tác xã hội
	Kiến thức cơ sở ngành		
22	Công pháp quốc tế	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
23	Tư pháp quốc tế	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
24	Kinh tế vi mô	ThS. Tô Thị Phượng	Quản trị KD
		ThS. Mai Thị Anh Đào	Quản trị KD
		ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Phương Lan	Quản trị KD
		ThS. Trần Thị Kim Nhung	Quản trị KD
		ThS. Trần Thị Hạnh	Quản trị KD
		ThS. Đào Thị Thu Hiền	Quản trị KD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung	Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Kinh tế NT Quản trị nhân lực
		TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Xuân Hương ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyền	Kinh tế Kinh tế Kinh tế phát triển Quản trị KD Quản trị KD
25	Kinh tế vĩ mô	ThS. Tô Thị Phượng ThS. Mai Thị Anh Đào ThS. Đỗ Thị Mỹ Trang	Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Vân Anh ThS. Nguyễn Thị Phương Lan ThS. Trần Thị Kim Nhung ThS. Trần Thị Hạnh ThS. Đào Thị Thu Hiền ThS. Triệu Linh Giang ThS. Tăng Anh Cường ThS. Hoàng Mạnh Cường TS. Hoàng Thanh Tùng ThS. Bùi Thị Hồng Nhung TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Xuân Hương ThS. Bùi Đức Lộc ThS. Đinh Quốc Tuyền	Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Quản trị KD Kinh tế NT Quản trị nhân lực Kinh tế Kinh tế Kinh tế phát triển Quản trị KD Quản trị KD
26	Quản trị doanh nghiệp	TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế NT
		TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	Quản trị KD
		ThS. Lê Thị Hải Hà	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Hường	Quản trị KD
		ThS. Hà Thị Phương Thảo	Quản trị KD
		ThS. Phạm Thị Thúy Vân	Quản trị KD
		ThS. Phan Thành Hưng	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Quản trị KD
		ThS. Nguyễn Đắc Mạnh	Quản trị KD

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
	Kiến thức ngành và chuyên ngành		
28	Luật dân sự 1	ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
29	Luật dân sự 2	ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
30	Luật Kinh tế	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		TS. Nguyễn Duy Phương	Luật
		TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		ThS. Lê Thị Toàn	Luật
		ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	Luật
		TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm	Luật
31	Luật kinh tế nâng cao	ThS. Lê Thị Toàn	Luật
		ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
32	Luật lao động	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Vân	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Luật
ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật		
33	Luật lao động nâng cao	Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Vân	Luật
34	Luật hình sự	ThS. Trần Đức Thắng	Luật
35	Luật tố tụng hình sự	ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Bình	Luật
36	Luật tố tụng dân sự	ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
37	Luật ngân hàng	ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
38	Luật đất đai	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
39	Luật môi trường	ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
40	Luật thuế và kế toán	ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	
		ThS. Lê Thị Toàn	Luật
41	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Vân	Luật
42	Luật thương mại quốc tế	TS. Nguyễn Duy Phương	Luật
		TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm	Luật
43	Luật sở hữu trí tuệ	ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
44	Pháp luật về bảo hiểm	Trần Thị Mai Loan	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
45	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
46	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
47	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	TS. Lê Anh Tuấn	Anh văn
		ThS. Trịnh Thị Thủy	Anh văn
		ThS. Kiều Linh	Anh văn
		ThS. Nguyễn T. Thanh Hương	Anh văn
		ThS. Phạm Thị Hồng Hạnh	Anh văn
		ThS. Phan Thị Thanh Tâm	Anh văn
		ThS. Cao Sơn Hùng	Anh văn
48	Tâm lý học lao động	TS. Tiêu Thị Minh Hường	Tâm lý xã hội
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý xã hội
		ThS. Nguyễn Thị Hiền	Tâm lý xã hội
		ThS. Lê Thị Thủy	Công tác xã hội
		ThS. Đỗ Thị An	Tâm lý giáo dục
		ThS. Nguyễn Hữu Hùng	Quản lý TT
49	Kỹ năng giao tiếp	TS. Tiêu Thị Minh Hường	Tâm lý xã hội

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Nguyễn Thị Hương	Tâm lý xã hội
		ThS. Nguyễn Thị Hiền	Tâm lý xã hội
		ThS. Đỗ Thị An	Tâm lý giáo dục
		TS. Nguyễn Hữu Hùng	Quản lý TT
		ThS. Lê Thị Thủy	Công tác xã hội
		ThS. Thành Thu Trang	Công tác xã hội
50	Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán	TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Bình	Luật
51	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
52	Pháp luật về xuất nhập khẩu	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
53	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
54	Pháp luật về thanh toán quốc tế	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		TS. Nguyễn Duy Phương	Luật
55	Luật hôn nhân và gia đình	ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
56	Kỹ năng nghề luật	TS. Nguyễn Duy Phương	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
57	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
58	Thực tập tốt nghiệp	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		TS. Nguyễn Duy Phương	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Bình	Luật
59	Khóa luận tốt nghiệp	ThS. Trần Thị Lan Anh	Luật
		ThS. Đào Xuân Hội	Luật

TT	Tên học phần	Giảng viên	Chuyên môn
		TS. Nguyễn Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
		Trần Thị Mai Loan	Luật
		ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
		TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Bình	Luật
		ThS. Nguyễn Đăng Phú	Luật
		ThS. Trịnh Thuỳ Linh	Luật
		TS. Nguyễn Thị Hoa Tâm	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Vân	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Luật
		ThS. Lê Thị Toàn	Luật
		ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	Luật
60	Xây dựng văn bản pháp luật	ThS. Vũ Thị Thanh Huyền	Luật
		ThS. Vũ Thị Lan Hương	Luật
61	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Luật
		ThS. Trần Đức Thắng	Luật
62	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	ThS. Trần Kiều Trang	Luật
		ThS. Nguyễn Thị Hồng Bình	Luật
63	Luật đầu tư	ThS. Lê Thị Toàn	Luật
		Trần Thị Mai Loan	Luật
64	Luật cạnh tranh	ThS. Đào Xuân Hội	Luật
		ThS. Lữ Thị Ngọc Diệp	Luật
		TS. Khuất Thị Thu Hiền	Luật

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Thiết bị phục vụ học tập

Trường đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo (tại Hà Nội, tại Sơn Tây và tại Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng diện tích 10,6ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm để đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một cơ sở đào tạo đại học. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học.

Thiết bị phục vụ đào tạo

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
I.	Phòng máy tính			
1	<i>Phòng máy tính E202.T2</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
1.1	Máy tính FPT	2015	41	
1.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
1.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
2	<i>Phòng máy tính E302.T3</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
2.1	Máy tính FPT	2015	41	
2.2	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
2.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
3	<i>Phòng máy tính E403</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
3.1	Máy tính CMS	2013	41	
3.2	Máy chiếu	2013	1	
3.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
3.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
3.5	ổn áp lioa	2013	1	
4	<i>Phòng máy tính E404</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
4.1	Máy tính CMS	2013	41	
4.2	Máy chiếu	2013	1	
4.3	Amplify + loa + mic	2013	1	
4.4	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	2	
4.5	ổn áp lioa	2013	1	
5	<i>Phòng máy tính E404.T4</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
5.1	Máy tính CMS	2013	41	
5.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
5.3	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
6	<i>Phòng máy tính E501</i>			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
6.1	Máy tính CMS	2013	41	
6.2	Máy chiếu 3M	2009	1	
6.3	Điều hòa Daikin 44.500	2003	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
	BTU			
7	Phòng máy tính E502			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
7.1	Máy tính ĐNA	2006	16	
7.2	Máy tính FPT	2014	24	
7.3	Máy chiếu Hitachi	2014	1	
7.4	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
8	Phòng máy tính E503A			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
8.1	Máy tính ĐNA	2009	13	
8.2	Máy tính ĐNA	2010	10	
8.3	Máy tính ĐNA	2011	28	
8.4	Máy chiếu CPX4015	2014	1	
8.5	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	1	
9	Phòng máy tính E503B			Tin học cơ bản; Tin học chuyên ngành; Kinh tế lượng; Kỹ thuật sử dụng SPSS, ...
9.1	Máy tính ĐNA	2009	40	
9.2	Máy tính ĐNA	2006	1	
9.3	Máy chiếu Panasonic	2009	1	
9.4	Điều hòa Daikin	2003	1	
II.	Phòng LAP			Tiếng anh Cơ bản; Tiếng Anh chuyên ngành; Thực hành TOEIC, ...
1	Phòng LAP E401			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
2	Phòng LAP E402			
1.1	Máy tính FPT	2013	36	
1.2	Tai nghe	2013	36	
1.3	Điều hòa Daikin	2003	1	
III.	Thiết bị phòng học			Các học phần còn lại
1	Amply + loa + mic	2014	7	
2	Amply + loa + mic	2013	33	
3	Amply + loa + mic	2010	5	
4	Amply + loa + mic	2009	10	
5	Amply + loa + mic	2008	1	

STT	Tên thiết bị, cơ sở vật chất	Năm sản xuất	Số lượng	Ghi chú
6	Amplify + loa + mic	2007	1	
7	Amplify + loa + mic	2005	3	
8	Amplify + loa + mic	2003	7	
9	Máy tính giáo viên	2013	15	
10	Máy tính giáo viên	2009	2	
11	Máy tính giáo viên	2008	10	
12	Máy chiếu	2015	8	
13	Máy chiếu	2013	14	
14	Máy chiếu	2009	2	
15	Máy chiếu	2008	3	

11.2. Thư viện

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên.

Danh sách giáo trình, sách sử dụng cho học tập và nghiên cứu:

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
1	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Q1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2012
		Tài liệu hướng dẫn ôn tập Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Phần I	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Lao động xã hội	2012
2	Những NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin P2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, (Dành cho sinh viên đại học cao	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị quốc gia	2013

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
		đảng khối không chuyên ngành Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh [Q1]			
4	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012
5	Tiếng Anh cơ bản 1	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book.	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
6	Tiếng Anh cơ bản 2	Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate- Student book. www.oup.com/elt/englishfile/elementary .	Oxford University Press		2004
		Clive Oxeden et.al. New English Files Pre-intermediate - Workbook...	Oxford University Press		2004
7	Tin học cơ bản 1	Giáo trình Tin học cơ bản 1	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2012
8	Tin học cơ bản 2	Bài giảng Tin học cơ bản 2	Nguyễn Thị Sinh Chi	Lao động Xã hội	2010
9	Giáo dục thể chất				
10	Giáo dục quốc phòng				
11	Soạn thảo văn bản	Giáo trình Soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011
		Bộ văn bản mẫu và bài tập soạn thảo văn bản	ThS. Phạm Hải Hưng	Lao động Xã hội	2011

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
12	Đại cương văn hóa Việt Nam				
13	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục Việt Nam, Hà Nam.	2012
14	Logic học	Giáo trình Logic học đại cương, Q1	Nguyễn Như Hải	Giáo dục	2009
15	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	ĐHQG HN	2010
		Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	ĐHQG HN	2005
		Tâm lý học tập 1	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục	1989
		Cơ sở Tâm lý học ứng dụng	Đặng Phương Kiệt	ĐHQG HN	2001
		Tâm lý học đại cương	Lý Thị Hàm	Lao động Xã hội	2010
		Bài Tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	
16	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	PGS. TS. Lê Minh Tâm	Công an nhân dân	2014
17	Luật Hiến pháp	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2014
18	Luật hành chính	Giáo trình luật hành chính Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2014
19	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2012
20	Văn hóa doanh nghiệp	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.	2013
21	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	1998

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
22	Công pháp quốc tế	Giáo trình luật quốc tế (dùng trong các trường đại học chuyên ngành luật và ngoại giao)	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân, TS. Chu Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	2012
23	Tư pháp quốc tế	Giáo trình tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2013
24	Kinh tế vi mô	Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương và TS. Trần Văn Hòe	Lao động xã hội	2012
		Bài tập Kinh tế vi mô	TS. Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2010
25	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình nguyên lý Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Công	NXB Lao động	2012
		Bài tập kinh tế vĩ mô	Lương Xuân Dương	Lao động Xã hội	2012
26	Quản trị doanh nghiệp	Quản trị kinh doanh	GS.TS. Nguyễn Thành Độ - PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH Kinh tế quốc dân	2011
27	Maketing căn bản	Marketing Căn bản	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
28	Luật dân sự 1	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập I và II	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2009
29	Luật dân sự 2	Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập I và II	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2009
30	Luật Kinh tế	<i>Giáo trình luật kinh tế</i> (tập 1 và tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân, Hà Nội	2006
31	Luật Kinh tế nâng cao	<i>Giáo trình luật kinh tế</i> (tập 1 và tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân, Hà Nội	2006
31	Luật lao động	Giáo trình Luật lao động	ThS. Khuất Thị Thu Hiền	Lao động Xã hội	2015

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
33	Luật lao động nâng cao	Giáo trình luật lao động	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2014
34	Luật hình sự	Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội		2006
35	Luật tố tụng hình sự	Giáo trình luật Tố tụng Hình sự Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2013
36	Luật tố tụng dân sự	Giáo trình luật tố tụng dân sự	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2011
37	Luật ngân hàng	Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2014
38	Luật đất đai	Giáo trình Luật Đất đai	ThS. Trần Quang Huy (chủ biên)	Công an nhân dân	2011
39	Luật môi trường	Giáo trình Luật Môi trường	PGS.TS. Lê Hồng Hạnh	Công an nhân dân	2004
40	Luật thuế và kế toán	Tập bài giảng Luật thuế và kế toán	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Lao động Xã hội	2008
41	Pháp luật về các vấn đề xã hội	Giáo trình luật về các vấn đề xã hội	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2012
42	Luật thương mại quốc tế	Giáo trình Luật thương mại quốc tế	PGS.TS Nông Quốc Bình	Công an nhân dân	2016
43	Luật sở hữu trí tuệ	Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2013
44	Pháp luật về bảo hiểm	Giáo trình Pháp luật về bảo hiểm	Trường Đại học Lao động – Xã hội	Lao động Xã hội	
45	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	Công tác văn thư lưu trữ	Chủ biên: TS.Dương Văn Khảm	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2004
46	Kỹ năng giải quyết tranh chấp	Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật - Học viện tư pháp	Phan Chí Hiếu và Nguyễn Thị Hằng Nga	Công an nhân dân	2012
47	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	English for Law in Higher Education Studies			
48	Tâm lý học lao động	Giáo trình Tâm lý học lao động	Lê Thị Dung	Lao động - Xã hội	2009

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
49	Kỹ năng giao tiếp	Giáo trình tâm lý học xã hội (tập 2)	Tiêu Thị Minh Hương; Lý Thị Hàm, Bùi Thị Xuân Mai	Lao động-xã hội	2007
50	Pháp luật về chứng khoán và TTCK	Giáo trình luật chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2013
51	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Giáo trình Luật kinh doanh bất động sản	PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyền	Tư pháp, Hà Nội	2009
52	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Cẩm nang pháp luật cho doanh nghiệp về thủ tục hải quan xuất nhập khẩu		Tư pháp, Hà Nội	2010
53	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	Giáo trình Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	TS. Nguyễn Thị Vân Anh		
54	Pháp luật về thanh toán quốc tế	Giáo trình thanh toán quốc tế	GS Đinh Xuân Trình và PSG TS. Đặng Thanh Nhân	Khoa học và Kỹ thuật	2011
55	Luật hôn nhân và gia đình	Giáo trình luật HNGĐ Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2007
56	Kỹ năng nghề luật	Kỹ năng hành nghề luật sư tư vấn	Trương Nhật Quang	Lao động	2012
57	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	Một số hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại và kỹ năng đàm phán soạn thảo	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2012
58	Xây dựng văn bản pháp luật	Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật	TS. Đoàn Thị Tô Uyên		2015
59	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật	Học viện Tư pháp	Tư pháp	2013
60	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Trọng Cơ, Nguyễn Thị Thà	Tài chính	2015

TT	Tên học phần	Tên giáo trình, sách học	Tên tác giả	Nhà XB	Năm XB
61	Luật cạnh tranh	Giáo trình luật cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2011
62	Luật đầu tư	Giáo trình luật đầu tư	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân	2007

12. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Chương trình Luật Kinh tế trình độ đại học, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã học xong chương trình PTTH hoặc tương đương. Trong chương trình, các học phần đã được bố trí vào các kỳ theo mối quan hệ giữa các học phần và do vậy phải được thực hiện đúng theo các điều kiện tiên quyết.

12.2. Giờ quy đổi được tính như sau:

1 TC = 15 tiết giảng lý thuyết trên lớp;

= 30 tiết thực hành, thảo luận;

= 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm đề án hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Để thực hiện 1 TC lý thuyết, thực hành, thảo luận, sinh viên cần 30 giờ chuẩn bị.

Để thực hiện 1 tín chỉ lý thuyết (trừ các học phần GDTC, GDQP-AN), cán bộ giảng dạy dành 2 tiết tiếp xúc và đánh giá tự học của SV.

12.3. Mã các học phần được xây dựng theo quy định chung như sau: Các học phần được mã hoá bằng bộ mã với 09 kí tự (X₁X₂X₃X₄X₅ X₆X₇X₈X₉). Trong đó:

- X₁X₂X₃X₄: Kí hiệu tên học phần. Tên mỗi học phần được viết tắt bằng 04 (bốn) kí tự là chữ cái in hoa tiếng Việt và chữ số (nếu cần)

VD: - MLN1: Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1

- DSMT: Dân số và môi trường

- X₅X₆: Kí hiệu tên đơn vị quản lý học phần.

TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
Khoa Kế toán	01
Khoa Quản lý nguồn nhân lực	02
Khoa Công tác Xã hội	03
Khoa Bảo hiểm	04
Khoa Quản trị Kinh doanh	05
Khoa Ngoại ngữ	06
Khoa Lý luận Chính trị	07
Khoa Sau đại học	08
Khoa Kỹ thuật chỉnh hình	09
Khoa Luật	10
Bộ môn Toán	11
Khoa Công nghệ thông tin	12

Bộ môn Thống kê	13
Bộ môn GDTC-QP	14

- X₇ : Trình độ đào tạo:

- 1: Trình độ cao học
- 2: Trình độ đại học
- 3: Trình độ cao đẳng
- 4: Trình độ cao học và đại học
- 5: Trình độ đại học và cao đẳng

- X₈: Số tín chỉ, cụ thể như sau:

- 1: 01 TC; 2: 02 TC; 3: 03 TC; 4: 04 TC.

- X₉: Loại học phần

- L-Lý thuyết
- T-Thực hành
- H-Hỗn hợp (kết hợp lý thuyết với thực hành, thảo luận)
- K-Khoá luận

VD: Mã học phần: MLN10753H có nghĩa là: Học phần Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 (MLN1); do khoa Lý luận chính trị quản lý (07); dùng cho trình độ đại học và cao đẳng (5); thời lượng 3 TC (3); Học phần này thuộc loại hỗn hợp (H).

12.4. Giải thích các số trong dấu ngoặc đơn bên cạnh số tín chỉ:

Ví dụ: 2(12,36,60)

- Số thứ nhất (12): số tiết lý thuyết học trên lớp.
- Số thứ hai (36): số tiết thảo luận hoặc thí nghiệm hoặc thực hành
- Số thứ ba (60): số giờ chuẩn bị.

12.5. Giải thích mục “Điều kiện”:

(a): Học phần học trước

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” nhưng không nhất thiết phải có kết quả đạt.

(b): Học phần tiên quyết

Để có thể đăng kí học học phần thuộc cột “Tên học phần” thì sinh viên đã phải học học phần ghi trong cột “Điều kiện” và phải có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng